



Một trong những thành tựu quan trọng của công cuộc đổi mới ở nước ta là quan hệ kinh tế đối ngoại, trong đó có hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu (XNK), được mở rộng không ngừng và gia tăng mạnh mẽ.

Thành tựu ấy bắt nguồn từ những sự đổi mới về kinh tế ở trong nước như chuyển từ cơ chế kế hoạch hoá tập trung sang cơ chế thị trường, thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần, tạo thuận lợi và động lực cho mọi thành phần kinh tế làm ăn, buôn bán. Riêng trong lĩnh vực kinh doanh XNK đã chuyển từ chính sách nhà nước mà thực chất là Bộ Ngoại thương độc quyền sang chính sách cho phép các ngành sản xuất, các địa phương, tiếp đến là mọi thành phần kinh tế, kể cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được kinh doanh XNK; các biện pháp bảo hộ phi quan thuế được dỡ bỏ dần, thuế suất ngày một thuyên giảm.

Một bước quan trọng tiếp theo là nước ta đã từng bước hội nhập với kinh tế khu vực và thế giới. Ở đây có thể kể đến một số mốc quan trọng của quá trình này. Năm 1987, tức là chỉ 1 năm sau khi công cuộc đổi mới được khởi động, Luật đầu tư nước ngoài được thông qua; đầu những năm 90 của thế kỷ trước quan hệ XNK với các nước láng giềng trong khu vực được chính thức bình thường hoá, tiếp đến là Nhật, EU.. rồi Mỹ bình thường hoá quan hệ kinh tế - thương mại với VN. Năm 1995 VN gia nhập ASEAN đồng thời gia nhập Khu vực mậu dịch tự do Đông Nam Á (AFTA), tiếp đến là tham gia ASEM, APEC, năm 2000 ký BTA với Mỹ và cuối cùng là gia nhập WTO vào cuối năm 2006.

Nhờ những sự đổi mới cơ bản như vậy cả ở bên trong lẫn bên ngoài nên kim ngạch XNK tăng vọt, riêng kim ngạch xuất khẩu đã tăng từ 800 triệu USD năm 1986 lên trên 62 tỷ năm 2008, tức là khoảng trên 77 lần!

Việc gia nhập WTO đánh dấu bước chuyển về

chất trong quá trình hội nhập, đặt ra rất nhiều vấn đề mới mẻ đối với hoạt động kinh doanh XNK.

Việc gia nhập WTO mở ra khả năng tiếp cận thị trường toàn cầu. Để tận dụng được cơ hội mới này thì điều kiện tiên quyết là phải *mở rộng tầm nhìn ra toàn cầu*. Điều đó có nghĩa là phải hiểu biết những thói quen tiêu dùng và nhu cầu không ngừng biến đổi của người tiêu dùng trên toàn cầu để có thể đáp ứng những gì người ta cần chứ không cung cấp cái gì mình có như thời bao cấp. Điều đó có nghĩa là phải nắm vững luật lệ chung về thương mại quốc tế lẫn luật lệ, cơ chế chính sách của từng nước. Điều đó có nghĩa là phải làm quen với truyền thống kinh doanh, hệ thống phân phối của từng quốc gia, thiết lập quan hệ với các nhà kinh doanh XNK của mỗi nước. Điều đó còn có nghĩa là phải theo dõi sát sao diễn biến của tình hình kinh tế, thương mại, tài chính tiền tệ thế giới cũng như của các nước bạn hàng để kịp thời điều chỉnh, ứng phó.

Trong hoàn cảnh khủng hoảng toàn cầu hiện nay yêu cầu ấy càng cần thiết hơn bao giờ hết. Các cơ quan quản lý nhà nước kêu gọi các doanh nghiệp đa dạng hoá thị trường nhưng họ lại chưa được trang bị kiến thức về những thị trường mới thì làm sao có thể đa dạng hoá được? Ví dụ nhà sản xuất kinh doanh hàng may mặc quen xuất khẩu sang thị trường Mỹ làm thế nào có thể chuyển hướng sang thị trường Trung Cận Đông ngay được nếu không biết rõ thói quen tiêu dùng, cơ chế chính sách, truyền thống kinh doanh... của các nước này vốn rất khác biệt với Mỹ? Do vậy một mặt các nhà sản xuất kinh doanh phải tự mình vươn tầm nhìn ra toàn cầu, mặt khác các cơ quan nhà nước cần tạo điều kiện thuận lợi nhất, hỗ trợ cho họ tiếp cận nhanh chóng với những thông tin cần thiết.

Hội nhập đồng nghĩa với việc gia tăng mạnh mẽ sự cạnh tranh trên cả thị trường thế giới lẫn

thị trường trong nước. Do đó một trong những điều kiện sống còn là *nâng cao khả năng cạnh tranh*. Đây là trách nhiệm của các doanh nghiệp đồng thời cũng là trách nhiệm của Nhà nước. Về phần các doanh nghiệp thì điều quyết định là bảo đảm hàng hoá và dịch vụ phải đáp ứng ba yêu cầu: chất lượng cao, giá thành hạ và mẫu mã hàng hoá, phương cách phục vụ phù hợp với yêu cầu của khách hàng. Còn Nhà nước thì cần hỗ trợ cho các doanh nghiệp bằng các biện pháp WTO không cấm như đã được quy định trong “hộp xanh” đối với cả hàng công nghiệp lẫn nông sản, “Chương trình phát triển” đối với nông nghiệp như nghiên cứu triển khai, đào tạo nguồn nhân lực, bảo vệ môi trường, cung cấp thông tin, xúc tiến thương mại...

Để tận dụng được những cơ hội do hội nhập mở ra càng cần phải có *chính sách đầu tư thoả đáng, chuyển dịch cơ cấu mạnh mẽ*. Khả năng cạnh tranh không phải tự nhiên mà có mà cần có sự đầu tư đáng kể và đúng hướng. Nhìn chung cơ cấu XK của nước ta vẫn còn khá lạc hậu. Năm 2008, nhóm hàng nông-lâm-thủy sản còn chiếm tới 20,57% kim ngạch XK, nhóm khoáng sản chiếm 18,74%, còn nhóm hàng chế biến tuy chiếm 37,60% song đa phần là hàng gia công, lắp ráp, sản phẩm điện tử, vi tính chỉ chiếm 4,21% mà chủ yếu cũng là lắp ráp. Xuất khẩu dịch vụ chiếm tỷ trọng rất nhỏ, không đáng kể, thậm chí không được thống kê đầy đủ. Hàng nhập khẩu chủ yếu là máy móc, thiết bị, nguyên-nhiên-vật liệu để gia công nhưng lại không phải là công nghệ đầu nguồn là chính. Cơ cấu ấy chứng tỏ công nghiệp phụ trợ của nước ta quá yếu, công nghiệp chế tạo không đáng kể.

Nếu không đẩy mạnh được công nghiệp chế biến và chế tạo thì hiệu quả kinh doanh XNK rất thấp. Đó là chưa kể những ách tắc về giao thông vận tải và tình trạng cung cấp điện không ổn định đội giá thành lên cao, hạn chế khả năng cạnh tranh của hàng hoá VN.

Về phần mình, các doanh nghiệp cần đầu tư thoả đáng cho việc đổi mới công nghệ, tìm hiểu thị trường, xúc tiến thương mại... Song để giải quyết những yếu kém nói trên rất cần sự đầu tư và những chính sách thoả đáng từ phía Nhà nước. Riêng về đầu tư thì quan trọng nhất, cấp bách nhất là đầu tư một cách tập trung để tháo gỡ những ách tắc về giao thông, nhất là ở những nút cổ chai, cải thiện tình hình cung cấp điện.

Để thúc đẩy kinh doanh XNK trong thời hội

nhập thì hơn lúc nào hết cần có sự điều hành chính sách vĩ mô hợp lý, hoàn thiện hơn nữa khung khổ pháp lý, cải cách hành chính mạnh mẽ, đẩy lùi nạn tham nhũng, quan liêu, thủ tục phiền hà.

Kinh doanh XNK không thể suôn sẻ nếu những cân đối vĩ mô bị xáo trộn để ra lạm phát hay thiếu phát, giá cả biến động, chính sách tài chính-tiền tệ, nhất là tỷ giá đồng tiền, tiếp cận tín dụng, chính sách lãi suất, chính sách thuế không hỗ trợ cho kinh doanh. Điều này càng cần thiết nếu tính rằng các doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm tỷ lệ rất cao trong số các doanh nghiệp kinh doanh XNK, đó là chưa kể các hộ sản xuất, nhất là các hộ nông dân đứng đằng sau họ.

Trong quá trình chuẩn bị gia nhập WTO hệ thống pháp luật của ta đã được cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, thực tế cho thấy vẫn còn tồn tại nhiều sự bất cập, chồng chéo, thậm chí mâu thuẫn, triệt tiêu nhau trong các quy định pháp luật, nhất là những văn bản dưới luật gây khó dễ cho doanh nghiệp. Không giải quyết triệt để tình trạng này thì khó bề cải thiện được tình hình kinh doanh XNK.

Một vấn nạn nặng nề chưa bị đẩy lùi là tệ quan liêu, thủ tục rườm rà, thái độ sách nhiễu, nạn tham nhũng tràn lan gây rất nhiều khó khăn cho doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp kinh doanh XNK nói riêng. Tuy vấn đề cải cách hành chính đã được nêu lên từ lâu song sự cải thiện tình hình còn chậm. Điều này không chỉ cản trở sự làm ăn của doanh nghiệp trong nước mà còn gây phương hại nghiêm trọng cho khả năng cạnh tranh quốc gia, hạn chế dòng vốn đầu tư nước ngoài chảy vào nước ta.

Với việc gia nhập WTO nước ta mới hội nhập đầy đủ với kinh tế thế giới vẹn vẹn có trên 2 năm. Đó là thời gian quá ngắn để những tác động thuận hay nghịch chiều của quá trình hội nhập bộc lộ đầy đủ. Hơn thế nữa, khác với Trung Quốc gia nhập WTO vào thời điểm mưa thuận gió hoà, VN lại gia nhập WTO đúng vào thời điểm sóng to gió lớn trên thị trường thế giới, năm 2008 giá cả tăng vọt, liền sau đó kinh tế thế giới sa vào cuộc khủng hoảng tài chính, suy thoái toàn cầu. Dân ta có câu, chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo, sau cơn phong ba nếu biết điều chỉnh thì nền kinh tế nước ta sẽ mạnh lên, các doanh nghiệp sẽ dày dặn thêm kinh nghiệm như đã từng xảy ra vào cuối những năm 90 của thế kỷ trước■